TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2024/HS-ST
Ngày: 15 - 8 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Tòng

Ông Lê Minh Thư

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Huỳnh Kim Thùy là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngọc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 34/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 7 năm 2024 đối với các bị cáo:

Bị cáo thứ nhất: Võ Hoàng K, sinh ngày 23/12/1999; tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú: số D ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ và bà Phạm Thị Thúy H; vợ: Nguyễn Cẩm H1 và con có tất cả 01 người sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 21/8/2019 bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc trong thời hạn 12 tháng theo quyết định số 12/2019/QĐ-TA của TAND huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/4/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ hai: Nguyễn Cẩm H1, sinh ngày 16/5/1988; tại tỉnh Hậu Giang; nơi cư trú: ấp P, thị trấn M, huyện C, tỉnh Hậu Giang; nơi ở hiện tại: số D ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H2 và bà Bùi Cẩm H3; chồng: Võ Hoàng K và con có tất cả 02 người (lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2023); tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Ngày 08/10/2012 bị phạt vi phạm hành chính với số tiền 1.500.000 đồng về hành vi gây rối trật tự công cộng theo quyết định số 12/2019/QĐ-CA của Công an phường C, quận N, thành phố Cần Thơ. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/3/2024 cho đến ngày 31/5/2024. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ ba: Phan Hải Đ1, sinh ngày 10/4/2006; tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: tổ A, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Hữu L và bà Lê Kim T; vợ, con: không; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo thứ tư: Nguyễn Quốc H4, sinh ngày 01/01/2002; tại tỉnh Vĩnh Long; nơi cư trú: tổ I, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không xác định và bà Nguyễn Ngọc N; vợ, con: không; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 28/5/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1/ Phan Thanh L1, sinh năm 1981. Nơi cư trú: tổ A, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

2/ Trần Thanh N1, sinh năm 1971. Nơi cư trú: tổ A, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

3/ Nguyễn Quang H5, sinh năm 1974. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

4/ Đặng Phước H6, sinh năm 1980. Nơi cư trú: khóm T, thị trấn T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

5/ Nguyễn Hữu H7, sinh năm 1963. Nơi cư trú: tổ E, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

6/ Phạm Anh T1, sinh năm 1990. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

7/ Ngô Tuấn V, sinh năm 1994. Nơi cư trú: tổ E, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

8/ Nguyễn Văn V1, sinh năm 1980. Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

9/ Lê Thị Q, sinh năm 1972. Nơi cư trú: tổ E, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

10/ Tăng Anh T2, sinh năm 1984. Nơi cư trú: tổ E, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

11/ Nguyễn Hoàng Â, sinh năm 1992. Nơi cư trú: tổ D, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

12/ Nguyễn Thanh H8, sinh năm 1983. Nơi cư trú: tấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Võ Văn Đ, sinh năm 1972. Nơi cư trú: số 421A/5 ấp T, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2/ Phan Hửu L2, sinh năm 1976. Nơi cư trú: tổ A, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

3/ Nguyễn Ngọc N2, sinh năm 1981. Nơi cư trú: tổ I, ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Võ Hoàng K và Nguyễn Cẩm H1 là vợ chồng. Phan Hải Đ1, Nguyễn Quốc H4 là bạn bè với K.

Khoảng 10 giờ ngày 27/02/2024, do cần tiền tiêu xài K rủ H1 đi hái trộm mít trên địa phận huyện B, tỉnh Vĩnh Long và khu vực lân cận để bán cho vựa mít "Hoàng Thịnh" của anh Đinh Hoàng T3, sinh năm 1994 thuộc ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; H1 đồng ý. K điều khiển xe môtô biển số 66L1-038.49 chở H1 đem theo 01 con dao thái lan và 01 cái giỏ nhựa màu xanh để đi trộm mít. Trên đường đi, K điện thoại rủ Đ1 và kêu Đ1 rủ thêm 01 người nữa cùng đi và dặn mang theo giỏ nhựa để chở mít, hẹn gặp nhau tại đầu đường tỉnh lộ 908 thuộc xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Đ1 điện thoại rủ H4 thì H4 đồng ý. Đ1 điều khiển xe mô tô biển số 64B1-407.31 chở H4 mang theo giỏ nhựa màu xanh đến gặp K và H1. Tất cả cùng chạy xe tìm vườn mít cặp lộ không có hàng rào, không có người trông coi để đột nhập vào dùng dao cắt trộm mít.

Khi đến vườn mít thái của anh Phan Thành L3 thì K và Đ1 dừng xe đậu ngoài lộ đá. K cầm dao thái lan vào vườn hái mít còn H1, Đ1 và H4 ở ngoài đường canh người khác. K dùng dao cắt trộm 06 trái mít thái gồm: 01 trái mít thái loại 1 có trọng lượng 10kg, 05 trái mít thái loại 2 có trọng lượng 41,5 kg rồi lần lượt ôm ra để Đ1 và H4 bỏ vào giỏ nhựa cùng nhau chở đến vựa mít "Hoàng Thịnh" để bán. Khi đến vựa mít, do không gặp được chủ vựa nên gửi lại 06 trái mít thái vừa trộm được vào bên trong vựa rồi tiếp tục đi dọc theo tuyến đường tỉnh lộ 908 để tìm mít trộm tiếp.

Bằng cách thức như trên K, H1, Đ1 và H4 lần lượt hái trộm mít của 11 bị hại khác tại các vườn mít như sau:

1. Anh Trần Thanh N1, sinh năm 1971. Nơi cư trú xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp gồm: 01 trái mít thái loại 1 có trọng lượng 13,5kg, 03 trái mít thái loại 2 có trọng lượng 30kg.

2. Anh Nguyễn Quang H5, sinh năm 1974. Nơi cư trú ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp gồm: 02 trái mít thái loại 2 có trọnglượng 16kg, 01 trái mít thái loại 1 có trọng lượng 9,5kg.

3. Anh Đặng Phước H6, sinh năm 1980. Nơi cư trú ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long gồm: 01 trái mít thái loại 3 có trọng lượng 8kg; 02 trái mít thái loại 2 có trọng lượng 16kg.

4. Anh Nguyễn Hữu H7, sinh năm 1963. Nơi cư trú xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp gồm: 04 trái mít ruột đỏ loại 3 có trọng lượng 43,5kg.

5. Anh Phạm Anh T1, sinh năm 1990. Nơi cư trú xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp gồm: 03 trái mít ruột đỏ loại 3 có trọng lượng 29kg.

6. Anh Ngô Tuấn V, sinh năm 1994. Nơi cư trú ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long gồm: 03 trái mít thái loại 2 có trọng lượng 34kg.

7. Anh Nguyễn Văn V1, sinh năm 1980. Nơi cư trú ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long gồm: 02 trái mít thái loại 1 có trọnglượng 19,5kg.

8. Chị Lê Thị Q, sinh năm 1972 Nơi cư trú ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long gồm: 04 trái mít ruột đỏ loại 1 có trọnglượng 38,5kg, 02 trái mít ruột đỏ loại 2 có trọng lượng 14,5kg.

9. Anh Tăng Anh T2, sinh năm 1984 Nơi cư trú ấp H, xã T,huyện B, tỉnh Vĩnh Long gồm: 04 trái mít ruột đỏ loại 1 có trọnglượng 43kg, 04 trái mít ruột đỏ loại 2 có trọng lượng 46,5kg, 01 trái mít ruộtđỏ loại 3 trọng lượng 8,5kg.

10. Anh Nguyễn Hoàng Â, sinh năm 1992. Nơi cư trú ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long gồm 02 trái mít thái loại 2 có trọng lượng24,5kg.

11. Anh Nguyễn Thành H9, sinh năm 1983 Nơi cư trú ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long gồm: 01 trái mít thái loại 1 có trọng lượng 13,5kg, 01 trái mít thái loại 2 có trọng lượng 13kg.

Khi K, H1, Đ1 và H4 đi ra từ vườn mít của anh H9 thì người dân gần đó nhìn thấy và báo cho anh H9 biết nên anh H9 chạy xe mô tô đuổi theo. Khi đến vựa mít Hoàng T3, anh H9 thấy K và H1 đang gửi 02 trái mít trộm được của anh H9 tại vựa mít còn Đ1 và H4 điều khiển xe mô tô về trước. Sau đó, anh H9 đến Công an xã T trình báo sự việc.

Qua làm việc, Võ Hoàng K, Nguyễn Cẩm H1, Phan Hải Đ1, Nguyễn Quốc H4 đều thừa nhận hành vi dùng dao hái trộm mít trái của 12 chủ vườn mít như trên. (BL: 427- 463)

K, H1, Đ1, H4 trộm cắp mít của anh Nguyễn Hữu H7, anh Phạm Anh T1, anh Trần Thanh N1, anh Nguyễn Quang H5 thuộc xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên ngày 04/3/2024 Công an xã T có Công văn gửi đến Công an xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp để phối hợp giải quyết.

Ngày 20/3/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C có Công văn số 324/ĐTTH và số 323/PC-ĐTTH về việc chuyển nguồn tin về tội phạm đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B để giải quyết theo thẩm quyền.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản số 03/KLĐGTS ngày 08/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện B kết luận 47 trái mít gồm: *06 trái mít thái loại 1 có trọng lượng 66 kg; 18 trái mít thái loại 2 có trọng lượng 175 kg; 01 trái mít thái loại 3 có trọng lượng 8 kg; 08 trái mít ruột đỏ loại 1 có trọng lượng 81,5kg; 06 trái mít ruột đỏ loại 2 có trọng lượng 61kg; 08 trái mít ruột đỏ loại 3 có trọng lượng 81 kg. Tổng tài sản có giá trị chung là: 16.247.000 đồng.* (BL: 213-214)

Xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Võ Hoàng K, Nguyễn Cẩm H1, Phan Hải Đ1, Nguyễn Quốc H4 về tội "Trộm cắp tài sản" và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với K, Đ1, H4. Còn H1 đang nuôi con nhỏ nên Cơ quan điều tra ra lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú để điều tra cho đến nay.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã chứng minh, giải quyết được như sau:

Đối với 47 trái mít mà Võ Hoàng K, Nguyễn Cẩm H1, Phan Hải Đ1, Nguyễn Quốc H4 hái trộm, đã được Cơ quan điều tra thu hồi về định giá và trả lại xong cho

anh Phan Thành L3, anh Đặng Phước H6, anh Ngô Tuấn V, anh Nguyễn Văn V1, chị Lê Thị Q, anh Tăng Anh T2, anh Nguyễn Hoàng Â, anh Nguyễn Thành H9, anh Trần Thanh N1, anh Nguyễn Quang H5, anh Nguyễn Hữu H7, anh Phạm Anh T1.

Đối với 01 xe mô tô biển số 66L1-038.49 của ông Võ Văn Đ (cha ruột K); 01 xe mô tô biển số 64B1-407.31 của Bùi Văn T4 (bạn của Đ1) cho K, Đăng mượn nhưng ông Đ và T4 không biết K, Đ1 lấy xe đi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông Đ và em T4.

Đối với 02 cái giỏ nhựa và 01 con dao thái lan sử dụng làm công cụ đi trộm cắp mít thì Đ1 đã ném bỏ xuống kênh Xã H10 (ở gần nhà Đ1). Cơ quan điều tra truy tìm nhưng không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự:

Các bị hại yêu cầu Võ Hoàng K, Nguyễn Cẩm H1, Phan Hải Đ1, Nguyễn Quốc H4 liên đới bồi thường giá trị tài sản bị mất trộm với số tiền như sau: anh Đặng Phước H6 là 552.000 đồng, anh Nguyễn Văn V1 là 604.500 đồng, bà Lê Thị Q là 2.717.000 đồng, anh Tăng A T2 là: 2.600.000 đồng, anh Nguyễn Hoàng Â là 637.000 đồng, anh Nguyễn Thành H9 là 756.500 đồng, anh Nguyễn Hữu H7 là 1.305.000 đồng, anh Phạm A1 T1 là 870.000 đồng, anh Phan Thành L3 là 1.389.000 đồng, anh Ngô Tuấn V là 884.000 đồng, anh Trần Thanh N1 là 1.198.500 đồng, anh Nguyễn Quang H5 là 710.500 đồng. Ông Võ Văn Đ (cha của K) bồi thường xong cho anh H6, anh V1, chị Q, anh T2, anh Â, anh H9, anh H7, anh T1 số tiền trên; ông Phan Hửu L2 (cha Đ1) bồi thường xong cho anh L3, anh V số tiền trên; bà Nguyễn Ngọc N (mẹ H4) đã bồi thường xong cho anh N1, anh H5 số tiền trên.

Đối với ông Võ Văn Đ, ông Phan Hửu L2, bà Nguyễn Ngọc N không yêu cầu õ Hoàng K, Phan Hải Đ1, Nguyễn Quốc H4 phải trả lại số tiền đã bồi thường trước đó.

Tại Cáo trạng số 42/CT-VKSBT ngày 28/6/2024 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị can Võ Hoàng K, Nguyễn Cẩm H1, Phan Hải Đ1, Nguyễn Quốc H4 về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân vẫn giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Võ Hoàng K, Nguyễn Cẩm H1, Phan Hải Đ1, Nguyễn Quốc H4 đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính:

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, 38, 58; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo K từ 09 tháng đến 01 năm tù.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, 65, 58; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo H1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 01 (một) năm đến 01 năm 06 tháng.

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, 36, 58, 91, 100; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Đ1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

4/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 17, 38, 58; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo H4 từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo K, H1, H4 có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên đề nghị miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Xét bị cáo Đ1 là người chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự.

Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Văn Đ không yêu cầu bị cáo K trả lại tổng số tiền 10.042.000 đồng đã bồi thường thay cho các bị hại.

Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Hửu L2 không yêu cầu bị cáo Đ1 trả lại tổng số tiền 2.273.000 đồng đã bồi thường thay cho các bị hại.

Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Ngọc N không yêu cầu bị cáo H4 trả lại tổng số tiền 1.909.000 đồng đã bồi thường thay cho các bị hại.

Về xử lý vật chứng: Đã giải quyết xong.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa:

Anh L3 trình bày: Anh đã nhận xong tiền bồi thường, không yêu cầu gì thêm.

Ông H7 trình bày: Ông đã nhận xong tiền bồi thường, không yêu cầu gì thêm.

Ông Đ trình bày: Ông là cha của bị cáo K, ông đã bồi thường thay cho bị cáo tổng số tiền 10.042.000 đồng. Nay ông không yêu cầu bị cáo trả lại.

Ông L2 trình bày: Ông là cha của bị cáo Đ1, ông đã bồi thường thay cho bị cáo tổng số tiền 2.273.000 đồng. Nay ông không yêu cầu bị cáo trả lại.

Bà N trình bày: Bà là mẹ của bị cáo H4, bà đã bồi thường thay cho bị cáo tổng số tiền 1.909.000 đồng. Nay bà không yêu cầu bị cáo trả lại.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố.

Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng

hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 10 giờ ngày 27/02/2024, bị cáo K điều khiển xe môtô biển số 66L1-038.49 chở vợ là bị cáo H1 đem theo 01 con dao thái lan và 01 cái giỏ nhựa màu xanh, bị cáo Đ1 điều khiển xe mô tô biển số 64B1-407.31 chở bị cáo H4 mang theo giỏ nhựa màu xanh để tìm vườn mít cặp lộ không có hàng rào và không có người trông coi thì đột nhập vào trộm mít.

Các bị cáo đã lén lút hái trộm: 01 trái mít thái loại 1 có trọng lượng 10kg, 05 trái mít thái loại 2 có trọng lượng 41,5 kg của anh Phan Thành L3 tại ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; 01 trái mít thái loại 1 có trọng lượng 13,5kg, 03 trái mít thái loại 2 có trọng lượng 30kg của anh Trần Thanh N1; 02 trái mít thái loại 2 có trọng lượng 16kg, 01 trái mít thái loại 1 có trọng lượng 9,5kg của anh Nguyễn Quang H5, 04 trái mít ruột đỏ loại 3 có trọng lượng 43,5kg của anh Nguyễn Hữu H7; 03 trái mít ruột đỏ loại 3 có trọng lượng 29kg của anh Phạm Anh T1 tại xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; 01 trái mít thái loại 3 có trọng lượng 8kg, 02 trái mít thái loại 2 có trọng lượng 16kg của anh Đặng Phước H6 tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; 02 trái mít thái loại 2 có trọng lượng 24,5kg của anh Nguyễn Hoàng Â; 01 trái mít thái loại 1 có trọng lượng 13,5kg, 01 trái mít thái loại 2 có trọng lượng 13kg của anh Nguyễn Thành H9 tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; 03 trái mít thái loại 2 có trọng lượng 34kg của anh Ngô Tuấn V; 02 trái mít thái loại 1 có trọng lượng 19,5kg của anh Nguyễn Văn V1 tại ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; 04 trái mít ruột đỏ loại 1 có trọng lượng 38,5kg, 02 trái mít ruột đỏ loại 2 có trọng lượng 14,5kg của chị Lê Thị Q tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; 04 trái mít ruột đỏ loại 1 có trọng lượng 43kg, 04 trái mít ruột đỏ loại 2 có trọng lượng 46,5kg, 01 trái mít ruột đỏ loại 3 trọng lượng 8,5kg của anh Tăng Anh T2 tại ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ vào kết luận định giá tài sản thì: *tài sản bị mất trộm của anh Tăng A T2 có giá trị là 4.623.000 đồng, của chị Lê Thị Q có giá trị là 2.717.000 đồng, của anh Ngô Tuấn V có giá trị là 884.000 đồng, anh Nguyễn Văn V1 có giá trị là 604.500 đồng, của anh Nguyễn Hoàng Â có giá trị là 637.000 đồng, của anh Nguyễn Thành H9 là 756.500 đồng, anh Đặng Phước H6 có giá trị là 552.000 đồng, của anh Phan Thành L3 là 1.389.000 đồng, của anh Nguyễn Hữu H7 là 1.305.000 đồng, của anh Phạm A1 T1 là 870.000 đồng, của anh Nguyễn Quang H5 là 710.500 đồng, anh Trần Thanh N1 là 1.198.500 đồng. Tổng tài sản có giá trị chung là: 16.247.000 đồng.*

Hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) như sau:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường

hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm…"

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật như trong Bản cáo trạng số 42/CT-VKSBT ngày 28/6/2024 cũng như lời luận tội của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Mặc dù biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài, các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác một cách trái pháp luật. Trong vụ án này, các bị cáo tham gia với vai trò là đồng phạm giản đơn. Bị cáo K là người rủ rê bị cáo H1, Đ1 rồi Đ1 rủ thêm H4 để cùng nhau đi hái trộm mít. Do đó, mức hình phạt của bị cáo K là cao hơn so với các bị cáo khác. Chính vì vậy cần có một mức án tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo bằng việc cách ly khỏi xã hội một thời gian nhằm răn đe giáo dục và đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống đối với loại tội phạm này.

Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo K phạm tội trong trường hợp phạm tội 02 lần trở lên và xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội theo quy định tại điểm g, o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Bị cáo H1, H4, Đ1 phạm tội trong trường hợp phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn. Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại xong cho các bị hại. Do đó, cần áp dụng điểm b, h, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để lượng hình cho các bị cáo.

Xét bị cáo H1 đang nuôi con nhỏ, bị cáo Đ1 là người chưa thành niên. Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự có nơi cư trú rõ ràng, các bị cáo có khả năng tự cải tạo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự an toàn xã hội nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục là đủ răn đe.

[4] Về hình phạt bổ sung: Tại phiên tòa, xét các bị cáo K, H4, H1 không có việc làm có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo. Đối với bị cáo Đ1 là người chưa thành niên nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Võ Văn Đ đã bồi thường thay cho bị cáo K, H1 đối với các bị hại: anh H6 là 552.000 đồng, anh V1 là 604.500 đồng, bà Q là 2.717.000 đồng, anh T2 là: 2.600.000 đồng, anh Â là 637.000 đồng, anh H9 là 756.500 đồng, anh H7 là 1.305.000 đồng, anh T1 là 870.000 đồng. Tổng số tiền là 10.042.000 đồng. Tại phiên tòa, ông Đ không cầu các bị cáo trả lại số tiền trên nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

Ông Phan Hửu L2 đã bồi thường thay cho bị cáo Đ1 đối với các bị hại: anh L3 là 1.389.000 đồng, anh V là 884.000 đồng. Tổng số tiền là 2.273.000 đồng. Tại phiên tòa, ông L2 không cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

Bà Nguyễn Ngọc N đã bồi thường thay cho bị cáo H4 đối với các bị hại: anh N1 là 1.198.500 đồng, anh H5 là 710.500 đồng. Tại phiên tòa, bà N không cầu bị cáo trả lại số tiền trên nên cần ghi nhận sự tự nguyện này.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với 01 xe mô tô biển số 66L1-038.49, đây là xe của của ông Võ Văn Đ (cha ruột bị cáo K); 01 xe mô tô biển số 64B1-407.31, là xe của Bùi Văn T4 (bạn của bị cáo Đ1) cho bị cáo K, Đăng mượn rồi điều khiển xe đi trộm cắp tài sản thì ông Đ và T4 không biết nên Cơ quan điều tra đã trả lại xe cho ông Đ và T4 xong.

Đối với: 02 cái giỏ nhựa và 01 con dao thái lan các bị can sử dụng làm công cụ đi trộm cắp mít, thì bị cáo Đ1 đã ném bỏ xuống kênh Xã H10 (ở gần nhà bị can Đ1). Cơ quan điều tra truy tìm nhưng không thu hồi được.

Chấp nhận Cơ quan điều tra đã trả lại xong 47 trái mít cho anh Phan Thành L3, anh Đặng Phước H6, anh Ngô Tuấn V, anh Nguyễn Văn V1, chị Lê Thị Q, anh Tăng Anh T2, anh Nguyễn Hoàng Â, anh Nguyễn Thành H9, anh Trần Thanh N1, anh Nguyễn Quang H5, anh Nguyễn Hữu H7, anh Phạm Anh T1.

[7] Về án phí sơ thẩm:

Buộc các bị cáo mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Võ Hoàng K, Nguyễn Cẩm H1, Phan Hải Đ1, Nguyễn Quốc H4 phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1.1 Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, 38, 58; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Võ Hoàng K 01 (một) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 15 tháng 4 năm 2024.

1.2 Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, 65, 58; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Cẩm H1 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng, tính từ ngày 15 tháng 8 năm 2024.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh Đồng Tháp giám sát, giáo dục. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

1.3 Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, 36, 58, 91, 100; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Phan Hải Đ1 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ thời gian bị tạm giam từ ngày 28/5/2024 đến ngày 15/8/2024 là 09 (chín) ngày = 240 (Hai trăm bốn mươi) ngày cải tạo không giam giữ. Thời gian bị cáo Phan Hải Đ1 còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 10 (mười) tháng. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phan Hải Đ1.

Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự huyện B, tỉnh Vĩnh Long nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

1.4 Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 17, 38, 58; điểm b, h, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Quốc H4 09 (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 28 tháng 5 năm 2024.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Võ Hoàng K, Nguyễn Cẩm H1, Nguyễn Quốc H4. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Phan Hải Đ1.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 584, 585, 589 của Bộ luật Dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Võ Văn Đ không yêu cầu bị cáo K, H1 trả lại tổng số tiền 10.042.000 đồng (Mười triệu không trăm bốn mươi hai ngàn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Phan Hửu L2 không yêu cầu bị cáo Đ1 trả lại tổng số tiền 2.273.000 đồng (Hai triệu hai trăm bảy mươi ba ngàn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Ngọc N không yêu cầu bị cáo H4 trả lại tổng số tiền 1.909.000 đồng (Một triệu chín trăm lẻ chín ngàn đồng).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Lưu hồ sơ 01 (một) đĩa DVD ghi âm, ghi hình hỏi cung các bị cáo.

Lưu hồ sơ 01 (một) đĩa DVD sao chép đoạn camera ghi hình ngày 27/02/2024.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc các bị cáo Võ Hoàng K, Nguyễn Cẩm H1, Phan Hải Đ1, Nguyễn Quốc H4 mỗi bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các bị cáo, các bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA)
- VKSND tỉnh Vĩnh Long
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Bình Tân
- CA H.Bình Tân (CQTHAHS, CQĐT, NTG)
- Chi cục THADS huyện Bình Tân
- UBND xã Tân An Thạnh
- UBND xã Phong Hòa
- Các bị cáo và các đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Huỳnh Thanh Hùng